

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-12-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tuấn Sỹ.

Ông Hoàng Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thanh H; sinh năm 1964. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm M; sinh năm 1963. Vắng mặt.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 194, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Cùng nơi cư trú: đường B, Tổ 4, khối 12, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thanh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm M được tự do tìm hiểu nhau một thời gian. Đầu năm 1990, tổ chức cưới theo phong tục tập quán tự nguyện nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu. Mấy năm sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ông Phạm M thường xuyên say rượu, chửi bới bà, nên tình cảm vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, mặc dù cả hai vẫn sống cùng nhà nhưng thực tế đã ly thân nhiều năm,

không còn tình cảm, không sinh hoạt chung, không quan tâm đến nhau. Thời gian trước, vì các con chưa trưởng thành, sợ việc ly hôn ảnh hưởng đến việc học hành và cuộc sống của các con nên bà cố chịu đựng. Nay các con đều đã trưởng thành nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm M. Về con chung: Bà và ông Phạm M có 02 con chung là Phạm Diễm L, sinh ngày 29/12/1990 và Phạm Đình K, sinh ngày 13/9/1995. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm M vắng mặt tại phiên tòa, tại bản khai ông Phạm M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông và Bà Lê Thanh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, tổ chức lễ kết hôn theo phong tục tập quán vào đầu năm 1990. Sau khi tổ chức cưới, ông bà về chung sống với nhau nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên tác động, hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày một tăng. Nay Bà Lê Thanh H xin ly hôn, ông nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Diễm L, sinh ngày 29/12/1990 và Phạm Đình K, sinh ngày 13/9/1995, 02 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản khai và có đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh H và ông Phạm M, chung sống với nhau từ đầu năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa Bà Lê Thanh H và ông Phạm M là vợ chồng. Các nội dung khác: Về con chung: Đều đã trưởng thành; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Về án phí: Bà Lê Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Phạm M vắng mặt tại phiên tòa, đã có bản khai và có đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cả Bà Lê Thanh H và ông Phạm M đều thừa nhận: Đầu năm 1990, Bà Lê Thanh H và ông Phạm M tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và về chung sống với nhau từ đó đến nay, mặc dù cả hai

có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*; tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, việc Bà Lê Thanh H và ông Phạm M tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 1990, hai bên đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, Bà Lê Thanh H yêu cầu ly hôn với ông Phạm M, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa Bà Lê Thanh H với ông Phạm M là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Lê Thanh H và ông Phạm M có 02 con chung là Phạm Diễm L, sinh ngày 29/12/1990 và Phạm Đình K, sinh ngày 13/9/1995. Các con chung đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên đương sự đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thanh H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L về việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Lê Thanh H với ông Phạm M.

2. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận Bà Lê Thanh H đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2012/2412 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lê Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên